

Số: **957**/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày **14** tháng **8** năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường Đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 39/2013/QH 13 ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của của Nghị định 42/2010/NĐ-CP; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua Khen thưởng 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BGDĐT ngày 03/4/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành giáo dục;

Quyết định số 508/MĐC-TĐKT ngày 14/5/2012 của Hiệu trưởng về việc ban hành “Quy định về công tác Thi đua Khen thưởng”;

Căn cứ vào biên bản phiên họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng Trường ngày 26/6/2015;

Xét đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2014-2015 như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 86 đơn vị
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 147 người
3. Lao động tiên tiến: 648 người

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Kinh phí lấy từ nguồn phí, lệ phí năm 2015 thưởng cho các tập thể, cá nhân được công nhận ở Điều 1 theo các mức sau:

Tập thể lao động tiên tiến:	800.000 đồng /đơn vị
Chiến sỹ thi đua cơ sở:	1.000.000 đồng/người
Lao động tiên tiến:	300.000 đồng/người

Tổng số tiền thưởng là: 410.200.000 đồng (Bốn trăm mười triệu hai trăm nghìn đồng chẵn).

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng phòng Tài vụ, các tập thể và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận: *ƯN*

- Như điều 3;
- Lưu: TĐKT, HCTH.



PGS.TS Lê Hải An

BẢNG KÊ CHI TIỀN THƯỞNG

(Kèm theo QĐ số /MĐC-TĐKT ngày tháng năm 2015)

TT	Đơn vị	Tiền thưởng CSTĐ	Tiền thưởng LĐTT	TT LĐTT	Cộng	Ký nhận
1	Phòng Tổ chức cán bộ	1 x 1,000,000 = 1,000,000	5 x 300,000 = 1,500,000	800,000	3,300,000	
2	Ban Phục vụ đào tạo	1 x 1,000,000 = 1,000,000	7 x 300,000 = 2,100,000	800,000	3,900,000	
3	Trung tâm Thông tin thư viện	3 x 1,000,000 = 3,000,000	17 x 300,000 = 5,100,000	800,000	8,900,000	
4	Phòng Khoa học công nghệ	1 x 1,000,000 = 1,000,000	3 x 300,000 = 900,000	800,000	2,700,000	
5	Phòng Đào tạo đại học	2 x 1,000,000 = 2,000,000	7 x 300,000 = 2,100,000	800,000	4,900,000	
6	Phòng Đào tạo Sau đại học	1 x 1,000,000 = 1,000,000	3 x 300,000 = 900,000	800,000	2,700,000	
7	Phòng Hành chính-Tổng hợp	1 x 1,000,000 = 1,000,000	6 x 300,000 = 1,800,000	800,000	3,600,000	
8	Ban Quản lý dự án	1 x 1,000,000 = 1,000,000	8 x 300,000 = 2,400,000	800,000	4,200,000	
9	Khoa Tại chức		9 x 300,000 = 2,700,000	800,000	3,500,000	
10	Phòng Tài vụ	1 x 1,000,000 = 1,000,000	7 x 300,000 = 2,100,000	800,000	3,900,000	
11	Trạm Y tế		1 x 300,000 = 300,000		300,000	
12	Phòng Bảo vệ		14 x 300,000 = 4,200,000	800,000	5,000,000	
13	Phòng Hợp tác Quốc tế	1 x 1,000,000 = 1,000,000	4 x 300,000 = 1,200,000	800,000	3,000,000	
14	Phòng Quản trị - Thiết bị	4 x 1,000,000 = 4,000,000	19 x 300,000 = 5,700,000	800,000	10,500,000	
15	Phòng Công tác CT Sinh viên	2 x 1,000,000 = 2,000,000	10 x 300,000 = 3,000,000	800,000	5,800,000	
16	Trung tâm HN&TVVLSV	1 x 1,000,000 = 1,000,000	2 x 300,000 = 600,000	800,000	2,400,000	
17	Ban quản lý KTX sinh viên	2 x 1,000,000 = 2,000,000	13 x 300,000 = 3,900,000		5,900,000	
18	Khoa Giáo dục quốc phòng			800,000	800,000	
	Bộ môn Đường lối quân sự	1 x 1,000,000 = 1,000,000	6 x 300,000 = 1,800,000	800,000	3,600,000	
	Kỹ thuật quân sự	1 x 1,000,000 = 1,000,000	2 x 300,000 = 600,000		1,600,000	
19	Khoa Đại học đại cương			800,000	800,000	
	Văn phòng khoa	1 x 1,000,000 = 1,000,000			1,000,000	
	Bộ môn Toán	3 x 1,000,000 = 3,000,000	14 x 300,000 = 4,200,000	800,000	8,000,000	
	Bộ môn Vật lý	3 x 1,000,000 = 3,000,000	12 x 300,000 = 3,600,000	800,000	7,400,000	

us

	Bộ môn Hoá học	3 x 1,000,000 = 3,000,000	16 x 300,000 = 4,800,000	800,000	8,600,000	
	Bộ môn Hình học	2 x 1,000,000 = 2,000,000	4 x 300,000 = 1,200,000	800,000	4,000,000	
	Bộ môn ngoại ngữ	3 x 1,000,000 = 3,000,000	15 x 300,000 = 4,500,000	800,000	8,300,000	
	Bộ môn cơ lý thuyết	1 x 1,000,000 = 1,000,000	4 x 300,000 = 1,200,000	800,000	3,000,000	
	Bộ môn Giáo dục thể chất	2 x 1,000,000 = 2,000,000	12 x 300,000 = 3,600,000	800,000	6,400,000	
20	Khoa Trắc địa			800,000	800,000	
	Văn phòng khoa	1 x 1,000,000 = 1,000,000	2 x 300,000 = 600,000		1,600,000	
	Bộ môn Trắc địa CT	3 x 1,000,000 = 3,000,000	8 x 300,000 = 2,400,000	800,000	6,200,000	
	Bộ môn Trắc địa cao cấp	3 x 1,000,000 = 3,000,000	14 x 300,000 = 4,200,000	800,000	8,000,000	
	Bộ môn Trắc địa Mô	2 x 1,000,000 = 2,000,000	8 x 300,000 = 2,400,000	800,000	5,200,000	
	Bộ môn Địa chính	2 x 1,000,000 = 2,000,000	10 x 300,000 = 3,000,000	800,000	5,800,000	
	Bộ môn Bản đồ	2 x 1,000,000 = 2,000,000	6 x 300,000 = 1,800,000	800,000	4,600,000	
	B/m Trắc địa PT và sai số	3 x 1,000,000 = 3,000,000	9 x 300,000 = 2,700,000	800,000	6,500,000	
	Tổ máy Trắc địa		6 x 300,000 = 1,800,000	800,000	2,600,000	
	Bộ môn đo ảnh và viễn thám	3 x 1,000,000 = 3,000,000	9 x 300,000 = 2,700,000	800,000	6,500,000	
21	Khoa Dầu Khí			800,000	800,000	
	Văn phòng khoa DK	1 x 1,000,000 = 1,000,000	4 x 300,000 = 1,200,000		2,200,000	
	Bộ môn TB Dầu khí và CT	2 x 1,000,000 = 2,000,000	6 x 300,000 = 1,800,000	800,000	4,600,000	
	Bộ môn Địa Vật lý	2 x 1,000,000 = 2,000,000	9 x 300,000 = 2,700,000	800,000	5,500,000	
	Bộ môn Khoan khai thác	4 x 1,000,000 = 4,000,000	8 x 300,000 = 2,400,000	800,000	7,200,000	
	Bộ môn Địa chất Dầu khí	2 x 1,000,000 = 2,000,000	6 x 300,000 = 1,800,000	800,000	4,600,000	
	Bộ môn Lọc hoá dầu	3 x 1,000,000 = 3,000,000	9 x 300,000 = 2,700,000	800,000	6,500,000	
22	Khoa Địa chất			800,000	800,000	
	VP khoa địa chất		4 x 300,000 = 1,200,000		1,200,000	
	Bộ môn Khoáng thạch	2 x 1,000,000 = 2,000,000	8 x 300,000 = 2,400,000	800,000	5,200,000	
	Bộ môn TK Thăm dò	2 x 1,000,000 = 2,000,000	8 x 300,000 = 2,400,000	800,000	5,200,000	
	Bộ môn Khoáng sản	1 x 1,000,000 = 1,000,000	5 x 300,000 = 1,500,000	800,000	3,300,000	

us

	Bộ môn Địa chất	2 x 1,000,000 = 2,000,000	5 x 300,000 = 1,500,000	800,000	4,300,000	
	Bộ môn Địa chất Biển	1 x 1,000,000 = 1,000,000	4 x 300,000 = 1,200,000	800,000	3,000,000	
	Bộ môn Nguyên liệu khoáng	1 x 1,000,000 = 1,000,000	5 x 300,000 = 1,500,000	800,000	3,300,000	
	Bộ môn Địa chất thuỷ văn	2 x 1,000,000 = 2,000,000	9 x 300,000 = 2,700,000	800,000	5,500,000	
	Bộ môn Địa chất Công trình	3 x 1,000,000 = 3,000,000	14 x 300,000 = 4,200,000	800,000	8,000,000	
23	Khoa Môi trường			800,000	800,000	
	VP khoa		1 x 300,000 = 300,000		300,000	
	Bộ môn Địa sinh thái	2 x 1,000,000 = 2,000,000	9 x 300,000 = 2,700,000	800,000	5,500,000	
	Bộ môn Môi trường cơ sở	2 x 1,000,000 = 2,000,000	6 x 300,000 = 1,800,000	800,000	4,600,000	
	Bộ môn Kỹ thuật môi trường	2 x 1,000,000 = 2,000,000	5 x 300,000 = 1,500,000	800,000	4,300,000	
25	Khoa Xây dựng			800,000	800,000	
	VP khoa		2 x 300,000 = 600,000		600,000	
	Bộ môn XD CT ngầm & Mỏ	3 x 1,000,000 = 3,000,000	8 x 300,000 = 2,400,000	800,000	6,200,000	
	Bộ môn Kỹ thuật xây dựng	1 x 1,000,000 = 1,000,000	7 x 300,000 = 2,100,000	800,000	3,900,000	
	Bộ môn xây dựng hạ tầng cơ sở	1 x 1,000,000 = 1,000,000	4 x 300,000 = 1,200,000	800,000	3,000,000	
26	Khoa Mỏ			800,000	800,000	
	Bộ môn khai thác Hàm lò	4 x 1,000,000 = 4,000,000	12 x 300,000 = 3,600,000	800,000	8,400,000	
	Bộ môn khai thác lộ thiên	4 x 1,000,000 = 4,000,000	10 x 300,000 = 3,000,000	800,000	7,800,000	
	Bộ môn sức bền vật liệu	1 x 1,000,000 = 1,000,000	7 x 300,000 = 2,100,000	800,000	3,900,000	
	Bộ môn Tuyển khoáng	2 x 1,000,000 = 2,000,000	9 x 300,000 = 2,700,000	800,000	5,500,000	
	Văn phòng khoa Mỏ		3 x 300,000 = 900,000		900,000	
27	Khoa Cơ điện			800,000	800,000	
	Bộ môn Tự động hoá	3 x 1,000,000 = 3,000,000	12 x 300,000 = 3,600,000	800,000	7,400,000	
	Bộ môn Máy và Thiết bị Mỏ	1 x 1,000,000 = 1,000,000	13 x 300,000 = 3,900,000	800,000	5,700,000	
	Bộ môn KT Điện-Điện tử	2 x 1,000,000 = 2,000,000	8 x 300,000 = 2,400,000	800,000	5,200,000	
	Bộ môn KT cơ khí	3 x 1,000,000 = 3,000,000	6 x 300,000 = 1,800,000	800,000	5,600,000	
	Bộ môn Điện khí hoá	3 x 1,000,000 = 3,000,000	10 x 300,000 = 3,000,000	800,000	6,800,000	

Wb

	Xưởng cơ khí	1 x 1,000,000 = 1,000,000	4 x 300,000 = 1,200,000	800,000	3,000,000	
	VP Khoa		3 x 300,000 = 900,000		900,000	
28	Khoa Kinh tế & QTKD			800,000	800,000	
	VP Khoa		3 x 300,000 = 900,000		900,000	
	B/m QTDN Địa chất-Dầu khí	3 x 1,000,000 = 3,000,000	5 x 300,000 = 1,500,000	800,000	5,300,000	
	B/m Quản trị DN Mô	3 x 1,000,000 = 3,000,000	11 x 300,000 = 3,300,000	800,000	7,100,000	
	B/m Kinh tế cơ sở	1 x 1,000,000 = 1,000,000	10 x 300,000 = 3,000,000	800,000	4,800,000	
	B/m Kế toán DN	3 x 1,000,000 = 3,000,000	15 x 300,000 = 4,500,000	800,000	8,300,000	
29	Khoa Công Nghệ thông tin			800,000	800,000	
	VP Khoa+ PTN Địa tin học	1 x 1,000,000 = 1,000,000	4 x 300,000 = 1,200,000		2,200,000	
	Bộ môn Tin học Trắc địa	1 x 1,000,000 = 1,000,000	11 x 300,000 = 3,300,000	800,000	5,100,000	
	Bộ môn Tin học Kinh tế	2 x 1,000,000 = 2,000,000	4 x 300,000 = 1,200,000	800,000	4,000,000	
	Bộ môn tin học cơ bản		9 x 300,000 = 2,700,000		2,700,000	
	Bộ môn Tin học Mô	2 x 1,000,000 = 2,000,000	5 x 300,000 = 1,500,000	800,000	4,300,000	
	Bộ môn Tin học Địa chất	1 x 1,000,000 = 1,000,000	6 x 300,000 = 1,800,000	800,000	3,600,000	
	Bộ môn CN phần mềm	1 x 1,000,000 = 1,000,000	7 x 300,000 = 2,100,000	800,000	3,900,000	
	Bộ môn Mạng và máy tính	1 x 1,000,000 = 1,000,000	6 x 300,000 = 1,800,000	800,000	3,600,000	
30	Khoa Lý luận chính trị			800,000	800,000	
	B/m Tư tưởng Hồ Chí Minh	1 x 1,000,000 = 1,000,000	4 x 300,000 = 1,200,000	800,000	3,000,000	
	B/m Đường lối CM của Đảng CSVN	1 x 1,000,000 = 1,000,000	4 x 300,000 = 1,200,000	800,000	3,000,000	
	B/m Pháp luật		3 x 300,000 = 900,000	800,000	1,700,000	
	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin	2 x 1,000,000 = 2,000,000	6 x 300,000 = 1,800,000	800,000	4,600,000	
		147	648	194,400,000	68,800,000	410,200,000

Bằng chữ: Bốn trăm mười triệu hai trăm ngàn đồng chẵn

Hà Nội, Ngày tháng năm 2015

Người lập biểu

Phòng Hành chính-Tổng hợp

Phòng Tài vụ

Hiệu trưởng









DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐẠT DANH HIỆU THI ĐUA

Năm học 2014-2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 357/MĐC-TĐKT ngày 14/8/2015)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTD	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
	Tổng cộng		86	147	648	77	
	Phòng Tổ chức cán bộ		1	1	5		
1	Vũ Thị Thoa	Phòng Tổ chức cán bộ			x		
2	Phạm Xuân Thương	Phòng Tổ chức cán bộ			x		
3	Nguyễn Thị Thuý Hằng	Phòng Tổ chức cán bộ			x		
4	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức cán bộ			x		
5	Vũ Duy Tấn	Phòng Tổ chức cán bộ		x			
6	Phạm Tổ Uyên	Phòng Tổ chức cán bộ			x		
	Ban Phục vụ Đào tạo		1	1	7		
7	Nguyễn Hồng Hải Yến	Ban Phục vụ đào tạo		x			
8	Phạm Thị Thanh Tâm	Ban Phục vụ đào tạo			x		
9	Bùi Thị Kim Anh	Ban Phục vụ đào tạo			x		
10	Trần Thị Duyệt	Ban Phục vụ đào tạo			x		
11	Nghiêm Thị Bình Minh	Ban Phục vụ đào tạo			x		
12	Nguyễn Thị Chi	Ban Phục vụ đào tạo			x		
13	Vũ Thị Phương Thùy	Ban Phục vụ đào tạo			x		
14	Nguyễn Thị Nga	Ban Phục vụ đào tạo			x		
	Trung tâm Thông tin - Thư viện		1	3	17		
15	Nguyễn Hồng Trường	TT Thông tin-thư viện			x		
16	Hoàng Thị Nga	TT Thông tin-thư viện			x		
17	Vũ Thị Ngọc	TT Thông tin-thư viện			x		
18	Nguyễn T Mỹ Hạnh	TT Thông tin-thư viện			x		
19	Nguyễn Duy Hiếu	TT Thông tin-thư viện			x		
20	Ngô Thị Hương Liên	TT Thông tin-thư viện			x		
21	Hoàng Thị Thu Hằng	TT Thông tin-thư viện			x		
22	Đào Thị Hồng Diệp	TT Thông tin-thư viện			x		
23	Vũ Thị Hồng Nhâm	TT Thông tin-thư viện			x		
24	Nguyễn Thị Thu Thủy	TT Thông tin-thư viện			x		
25	Nguyễn Thị Hải Yến	TT Thông tin-thư viện			x		
26	Ngô Thị Thanh Hương	TT Thông tin-thư viện			x		
27	Phan Thị Phương	TT Thông tin-thư viện		x			
28	Hoàng Thị Thuý	TT Thông tin-thư viện			x		
29	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	TT Thông tin-thư viện			x		
30	Trần Văn Duyệt	TT Thông tin-thư viện			x		
31	Phạm Vĩnh Tuấn	TT Thông tin-thư viện		x			
32	Nguyễn Quang Phú	TT Thông tin-thư viện			x		
33	Nguyễn Hữu Độ	TT Thông tin-thư viện			x		
34	Đỗ Thị Mường	TT Thông tin-thư viện		x			
	Phòng Khoa học Công nghệ		1	1	3		
35	Phạm Đức Nghiệp	Phòng Khoa học Công nghệ			x		
36	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phòng Khoa học Công nghệ			x		
37	Hoàng Thu Hằng	Phòng Khoa học Công nghệ		x			

115

T	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTD	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
38	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Khoa học Công nghệ			x		
	Phòng Đào tạo Đại học		1	2	7		
39	Phạm Văn Tuấn	Phòng ĐT Đại học			x		
40	Nguyễn Văn Đức	Phòng ĐT Đại học		x			
41	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng ĐT Đại học			x		
42	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng ĐT Đại học			x		
43	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng ĐT Đại học			x		
44	Bùi Thị Mai	Phòng ĐT Đại học			x		
45	Phạm Thị Nguyên	Phòng ĐT Đại học			x		
46	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng ĐT Đại học		x			
47	Lại Kim Cương	Phòng ĐT Đại học			x		
	Phòng Đào tạo Sau đại học		1	1	3		
48	Hà Ngọc Kiên	Phòng ĐT Sau đại học			x		
49	Nguyễn Thị Vân	Phòng ĐT Sau đại học		x			
50	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng ĐT Sau đại học			x		
51	Phạm Ngọc Hà	Phòng ĐT Sau đại học			x		
	Phòng Hành chính - Tổng hợp		1	1	6		
52	Nguyễn Thị Bắc	Phòng Hành chính - Tổng hợp			x		
53	Dương Thị Tuyết Nhung	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
54	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp			x		
55	Trịnh Thị Thanh Hòa	Phòng Hành chính - Tổng hợp			x		
56	Vũ Hội Khánh Hà	Phòng Hành chính - Tổng hợp			x		
57	Võ Thị Công Chính	Phòng Hành chính - Tổng hợp			x		
58	Nguyễn Ngọc Dương	Phòng Hành chính - Tổng hợp			x		
	Ban Quản lý dự án		1	1	8		
59	Phạm Văn Đức	Ban Quản lý dự án			x		
60	Nguyễn Thị Sơn	Ban Quản lý dự án			x		
61	Nguyễn Gia Khuê	Ban Quản lý dự án		x			
62	Đỗ Xuân Khoa	Ban Quản lý dự án			x		
63	Bạch Thị Hạnh	Ban Quản lý dự án			x		
64	Lê Thị Hương Giang	Ban Quản lý dự án			x		
65	Nguyễn Sơn Tùng	Ban Quản lý dự án			x		
66	Nguyễn Chí Hiếu	Ban Quản lý dự án			x		
67	Lại Thiên Nguyên	Ban Quản lý dự án			x		
	Khoa Tại chức		1		9		
68	Nguyễn Thị Ánh Thu	Khoa Tại chức			x		
69	Trần Hải Vân	Khoa Tại chức			x		
70	Lê Thuý Nga	Khoa Tại chức			x		
71	Nguyễn Minh Thu	Khoa Tại chức			x		
72	Dương Mai Yển	Khoa Tại chức			x		
73	Ngô Thái Vinh	Khoa Tại chức			x		
74	Hồ Văn Quân	Khoa Tại chức			x		
75	Nguyễn T Hương Giang	Khoa Tại chức			x		
76	Nguyễn Quốc Trường	Khoa Tại chức			x		
	Phòng Tài vụ		1	1	7		
77	Quách Thị Nhịp	Phòng Tài vụ			x		
78	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Tài vụ		x			
79	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Tài vụ			x		
80	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Tài vụ			x		
81	Cao Thu Hoài	Phòng Tài vụ			x		

	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTD	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
82	Nguyễn T Phương Thảo A	Phòng Tài vụ			x		
83	Nguyễn T Phương Thảo B	Phòng Tài vụ			x		
84	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Tài vụ			x		
	Trạm Y tế				1		
85	Mai Ngọc Liên	Trạm Y tế			x		
	Phòng Bảo vệ		1		14		
86	Hoàng Văn Sinh	Phòng Bảo vệ			x		
87	Lê Hoài Nam	Phòng Bảo vệ			x		
88	Lưu Hữu Phước	Phòng Bảo vệ			x		
89	Lý Hồng Khanh	Phòng Bảo vệ			x		
90	Phạm Trường Sơn	Phòng Bảo vệ			x		
91	Trần Văn Huyền	Phòng Bảo vệ			x		
92	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Bảo vệ			x		
93	Nguyễn Ngọc Sự	Phòng Bảo vệ			x		
94	Phạm Văn Khương	Phòng Bảo vệ			x		
95	Đặng Quang Tuyển	Phòng Bảo vệ			x		
96	Lê Đức Minh	Phòng Bảo vệ			x		
97	Chu Thế Mạnh	Phòng Bảo vệ			x		
98	Nguyễn Tiến Dũng	Phòng Bảo vệ			x		
99	Hà Văn Tường	Phòng Bảo vệ			x		
	Phòng Hợp tác Quốc tế		1	1	4		
100	Nguyễn T Phương Thảo	Phòng Hợp tác Quốc tế			x		
101	Quách T Thu Phương	Phòng Hợp tác Quốc tế		x			
102	Vũ Thu Hường	Phòng Hợp tác Quốc tế			x		
103	Nguyễn Thị Sim	Phòng Hợp tác Quốc tế			x		
104	Nguyễn Việt Hà	Phòng Hợp tác Quốc tế			x		
	Phòng Quản trị - Thiết bị		1	4	19		
105	Đỗ Thị Dung	Phòng Quản trị thiết bị			x		
106	Lê Tiến Dũng	Phòng Quản trị thiết bị			x		
107	Trần Thị Hương	Phòng Quản trị thiết bị			x		
108	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Quản trị thiết bị		x			
109	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Quản trị thiết bị			x		
110	Nguyễn T Thu Hà	Phòng Quản trị thiết bị			x		
111	Nguyễn Thuý Hà	Phòng Quản trị thiết bị			x		
112	Nguyễn Thị Cánh	Phòng Quản trị thiết bị			x		
113	Trần Văn Chương	Phòng Quản trị thiết bị		x			
114	Phạm Đăng Tích	Phòng Quản trị thiết bị			x		
115	Tạ Văn Minh	Phòng Quản trị thiết bị			x		
116	Nguyễn Văn Bình	Phòng Quản trị thiết bị			x		
117	Ninh Ngọc Cương	Phòng Quản trị thiết bị			x		
118	Nguyễn Thị Thuý	Phòng Quản trị thiết bị			x		
119	Diêm Công Thọ	Phòng Quản trị thiết bị			x		
120	Nguyễn Đức Năng	Phòng Quản trị thiết bị		x			
121	Hà Ngọc Trường	Phòng Quản trị thiết bị		x			
122	Trịnh Thị Hợp	Phòng Quản trị thiết bị			x		
123	Phạm Thị Sâm	Phòng Quản trị thiết bị			x		
124	Nguyễn Đình Cường	Phòng Quản trị thiết bị			x		
125	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Quản trị thiết bị			x		
126	Trần Thị Lan Phương	Phòng Quản trị thiết bị			x		
127	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Quản trị thiết bị			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐT	CSTĐ	LĐT	Tương đương LĐT	Ghi chú
	Phòng Công tác chính trị - Sinh viên		1	2	10		
128	Nguyễn Thu Hà	Phòng Công tác chính trị-Sinh viên		x			
129	Nguyễn Kim Chung	Phòng Công tác chính trị-Sinh viên		x			
130	Lê Chí Phúc	Phòng Công tác chính trị-Sinh viên			x		
131	Trần Đức Hiệp	Phòng Công tác chính trị-Sinh viên			x		
132	Nguyễn Thuỳ Linh	Phòng Công tác chính trị-Sinh viên			x		
133	Nguyễn Thị Biên	Phòng Công tác chính trị-Sinh viên			x		
134	Phạm T Thu Hường	Phòng Công tác chính trị-Sinh viên			x		
135	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng Công tác chính trị-Sinh viên			x		
136	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác chính trị-Sinh viên			x		
137	Phạm Thị Việt Nga	VP Công đoàn			x		
138	Phạm Thị Thanh Phương	Thanh tra giáo dục			x		
139	Nguyễn Văn Anh	Văn phòng Đoàn TN			x		
	Trung tâm HN&TVVLSV		1	1	2		
140	Phạm Quang Ba	Trung tâm HN&TVVLSV		x			
141	Phan Thị Thủy	Trung tâm HN&TVVLSV			x		
142	Đoàn Hồng Thắng	Trung tâm HN&TVVLSV			x		
	BQL Ký túc xá sinh viên			2	13		
143	Lê Lương Lân	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
144	Nguyễn Văn Hùng	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
145	Đinh Hữu Khánh	BQL Ký túc xá Sinh viên		x			
146	Nguyễn Xuân Thuận	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
147	Nguyễn Thị Thu	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
148	Nguyễn Thị Hồng	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
149	Dương T Hồng Đài	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
150	Hà Tú Hương	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
151	Đỗ Khắc Điệp	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
152	Vũ Thế Hùng	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
153	Nguyễn Văn Khẩn	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
154	Phạm Thị Quy	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
155	Phan Thanh Chương	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
156	Ngô Huyền Giang	BQL Ký túc xá Sinh viên		x			
157	Đoàn Thị Luyện	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
	Khoa Giáo dục Quốc phòng		2	2	8		
	Bộ môn Đường lối Quân sự		1	1	6		
158	Nguyễn Văn Quảng	BM Đường lối QS		x			
159	Phạm Quốc Đàm	BM Đường lối QS			x		
160	Trần Bắc Bộ	BM Đường lối QS			x		
161	Lê Thị Định	BM Đường lối QS			x		
162	Hà Văn Thanh	BM Đường lối QS			x		
163	Phạm Công Tú	BM Đường lối QS			x		
164	Hoàng Xuân Trường	BM Đường lối QS			x		
	Bộ môn Kỹ thuật Quân sự			1	2		
165	Bùi Kim Hồng	KTQS		x			
166	Vũ Quang Hay	KTQS			x		
167	Nguyễn Văn Phong	KTQS			x		
	Khoa Đại học Đại cương		8	18	77	2	
	Văn phòng khoa			1			
168	Đặng Thị Hằng Nga	VP Khoa ĐHCĐ		x			
	Bộ môn Toán		1	3	14		

10/10

	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
169	Nguyễn Minh Mẫn	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
170	Nguyễn Văn Ngọc	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
171	Tô Văn Đình	BM Toán - Khoa ĐHĐC		x			
172	Nguyễn Thị Hằng	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
173	Nguyễn Thị Lan Hương	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
174	Nguyễn Trường Thanh	BM Toán - Khoa ĐHĐC		x			
175	Đào Xuân Hưng	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
176	Hà Hữu Cao Trình	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
177	Phạm Tuấn Cường	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
178	Lê T Hương Giang	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
179	Nguyễn Thu Hằng	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
180	Phạm Ngọc Anh	BM Toán - Khoa ĐHĐC		x			
181	Nguyễn T Kim Sơn	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
182	Nguyễn Thế Lâm	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
183	Lê T Bích Phượng	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
184	Nguyễn Thị Thu Hiền	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
185	Hoàng Ngũ Huân	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
	Bộ môn Vật lý		1	3	12	1	
186	Dư Thị Xuân Thảo	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC		x			
187	Vũ Bá Dũng	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC		x			
188	Hồ Quỳnh Anh	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
189	Nguyễn Xuân Chung	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC				x	
190	Trần Thị Hà	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
191	Đỗ Thị Hồng Hải	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
192	Nguyễn Mạnh Hùng	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC		x			
193	Nguyễn Thị Hậu	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
194	Bùi Thị Thanh Lan	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
195	Đào Việt Thắng	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
196	Nguyễn Thị Diệu Thu	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
197	Phạm Thị Trang	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
198	Tổng Bá Tuấn	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
199	Đinh Văn Thiên	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
200	Lê Đức Tuyên	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
201	Bùi Hữu Nguyên	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
	Bộ môn Hoá học		1	3	16		
202	Lê Đức Liêm	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
203	Lê Thị Vinh	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
204	Vũ Duy Thịnh	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
205	Phạm Tiến Dũng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
206	Nguyễn Thị Thu Hiền	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
207	Hà Mạnh Hùng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC		x			
208	Nguyễn Mạnh Hà	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
209	Vũ Kim Thư	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC		x			
210	Đỗ Thị Hải	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
211	Lê Thị Duyên	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
212	Võ Thị Hạnh	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
213	Lê Thị Phương Thảo	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
214	Nguyễn Thu Hà	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
215	Vũ T Minh Hồng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC		x			
216	Nguyễn T Kim Thoa	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
217	Công Tiến Dũng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
218	Nguyễn Việt Hùng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
219	Nguyễn Đình Độ	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
220	Cần Ngọc Hoàng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
	Bộ môn Hình học		1	2	4		
221	Trần Hồng Hải	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC		x			
222	Thạc Thu Hiền	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC			x		
223	Lê Thị Thanh Hằng	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC		x			
224	Vũ Hữu Tuyên	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC			x		
225	Hoàng Văn Tài	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC			x		
226	Phạm T Mai Anh	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC			x		
	Bộ môn Ngoại ngữ		1	3	15		
227	Đỗ Kim Phương	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC		x			
228	Nguyễn Mộng Lương	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
229	Cao Xuân Hiền	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
230	Trần Đình Thước	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
231	Nguyễn Thị Lệ Hằng	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
232	Lê Thị Thuý Hà	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
233	Nguyễn Hồng Vân	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
234	Trương Thị Thanh Thuý	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC		x			
235	Dương Thuý Hương	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC		x			
236	Nguyễn Thị Thảo	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
237	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
238	Nguyễn Thị Mai Hương	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
239	Nguyễn Thu Phúc	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
240	Trịnh Thị Vân	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
241	Nguyễn Thị Ánh Hoa	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
242	Nguyễn Thu Cúc	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
243	Vũ Thanh Tâm	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
244	Đặng Thanh Mai	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
	Bộ môn Cơ lý thuyết		1	1	4	1	
245	Trần Đình Sơn	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC		x			
246	Nguyễn Huy Thế	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC				x	
247	Phạm Ngọc Chung	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC			x		
248	Đinh Công Đạt	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC			x		
249	Trần Thị Trâm	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC			x		
250	Bùi Thị Thuý	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC			x		
	Bộ môn Giáo dục thể chất		1	2	12		
251	Nguyễn Khắc Anh Vũ	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC		x			
252	Nguyễn Quang Huy	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
253	Thái Việt Hưng	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
254	Lê Văn Cương	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
255	Lương Anh Hùng	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
256	Lê Văn Nam	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
257	Lã Ngọc Linh	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
258	Lê Viết Tuấn	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC		x			
259	Nguyễn Huy Thông	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
260	Đỗ Tiến Thiét	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
261	Trần T Lan Hương	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
262	Hà Thị Hiền	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		

✓

ST	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTD	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
263	Nguyễn Trường Đông	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
264	Chu Thị Hồng Hạnh	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
	Khoa Trắc địa		9	19	72	13	
	Văn phòng khoa			1	2		
265	Tạ T Thu Hương	VP Khoa Trắc địa			x		
266	Nguyễn Thị Hà	VP Khoa Trắc địa		x			
267	Đào Thị Thơm	VP Khoa Trắc địa			x		
	Bộ môn Trắc địa công trình		1	3	8	1	
268	Trần Khánh	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x		
269	Nguyễn Quang Phúc	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x		
270	Nguyễn Quang Thắng	BM TĐCT-Khoa Trắc địa		x			
271	Trần Viết Tuấn	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x		
272	Hoàng Thị Minh Hương	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x		
273	Lê Đức Tình	BM TĐCT-Khoa Trắc địa		x			
274	Phạm Trung Dũng	BM TĐCT-Khoa Trắc địa				x	
275	Nguyễn Hà	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x		
276	Nguyễn Việt Hà	BM TĐCT-Khoa Trắc địa		x			
277	Trần Thùy Linh	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x		
278	Phạm Quốc Khánh	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x		
279	Đinh Thị Lệ Hà	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x		
	Bộ môn Trắc địa cao cấp		1	3	14		
280	Dương Văn Phong	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa		x			
281	Đặng Nam Chinh	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
282	Bùi Khắc Luyện	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa		x			
283	Vũ Văn Trí	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
284	Nguyễn Gia Trọng	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
285	Nguyễn Thái Chinh	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
286	Vũ Đình Toàn	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
287	Phạm Ngọc Quang	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
288	Đặng Hồng Thuý	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
289	Lê T Thanh Tâm	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
290	Lê Minh Tá	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
291	Nguyễn Xuân Tùng	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
292	Nguyễn Văn Sáng	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa		x			
293	Nguyễn Văn Lâm	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
294	Kim T. Thu Hương	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
295	Trần T. Thu Trang	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
296	Phạm Hoàng Long	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
	Bộ môn Trắc địa Mỏ		1	2	8	1	
297	Nguyễn Xuân Thụy	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x		
298	Vương Trọng Kha	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x		
299	Phạm Công Khải	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa		x			
300	Lê Thị Thu Hà	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x		
301	Nguyễn Quốc Long	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa		x			
302	Cao Xuân Cường	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa				x	
303	Phạm Thị Lân	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x		
304	Phạm Văn Chung	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x		
305	Lê Văn Cảnh	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x		
306	Võ Ngọc Dũng	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x		
307	Nguyễn Việt Nghĩa	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTD	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
Bộ môn Địa chính			1	2	10		
308	Phạm Thế Huynh	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
309	Trần Thuỷ Dương	BM Địa chính- Khoa Trắc địa		x			
310	Trần Đình Thành	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
311	Nguyễn Thị Kim Yên	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
312	Nguyễn Thị Dung	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
313	Phạm Thị Kim Thoa	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
314	Đinh Hải Nam	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
315	Đặng Thị Hoàng Nga	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
316	Nguyễn Thị Hiền	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
317	Nguyễn Thế Công	BM Địa chính- Khoa Trắc địa		x			
318	Phùng Minh Sơn	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
319	Trần Xuân Miến	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
Bộ môn Bản đồ			1	2	6	3	
320	Hà Thị Mai	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa			x		
321	Bùi Ngọc Quý	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa		x			
322	Trần Thị Tuyết Vinh	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa			x		
323	Phạm Văn Hiệp	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa			x		
324	Nguyễn Văn Lợi	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa		x			
325	Nguyễn Danh Đức	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa			x		
326	Dương Anh Quân	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa				x	
327	Trần T Hương Giang	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa				x	
328	Đỗ Thị Phương Thảo	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa			x		
329	Bùi Tiến Diệu	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa				x	
330	Trần Quỳnh An	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa			x		
Bộ môn Trắc địa phổ thông và sai số			1	3	9	3	
331	Trương Quang Hiếu	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x		
332	Đinh Công Hoà	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x		
333	Nguyễn Tiến Năng	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x		
334	Nguyễn Quang Minh	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ		x			
335	Hoàng Anh Tuấn	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x		
336	Hoàng Thị Thuỷ	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ		x			
337	Lưu Anh Tuấn	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ		x			
338	Nguyễn T Thu Hương	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x		
339	Lê Ngọc Giang	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x		
340	Phạm Thanh Thảo	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x		
341	Trần Anh Tuấn	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x		
342	Trương Minh Hùng	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x		
343	Đào Văn Khánh	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ				x	
344	Lã Phú Hiền	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ				x	
345	Dương Thành Trung	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ				x	
Tổ máy Trắc địa			1		6		
346	Vũ Trung Ruy	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa			x		
347	Nguyễn Thế Hiệp	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa			x		
348	Hoàng Lê Minh	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa			x		
349	Nguyễn Quang Thắng	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa			x		
350	Nguyễn Thị Mến	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa			x		
351	Cù Thị Thu Hà	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa			x		
Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám			1	3	9	5	
352	Phạm Vọng Thành	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x		

STT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐT	CSTĐ	LĐT	Tương đương LĐT	Ghi chú
353	Trần Đình Trí	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa		x			
354	Trần Văn Anh	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa		x			
355	Trần Trung Anh	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x		
356	Trần Thanh Hà	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x		
357	Nguyễn Bá Duy	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa				x	
358	Nguyễn Minh Hải	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x		
359	Nguyễn Văn Trung	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x		
360	Trần Phương Ly	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x		
361	Lê Thanh Nghị	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x		
362	Trần Xuân Trường	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa		x			
363	Đoàn T. Nam Phương	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x		
364	Phạm T. Thanh Hòa	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x		
365	Nguyễn Anh Tuấn	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa				x	
366	Phạm Hà Thái	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa				x	
367	Trần Hồng Hạnh	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa				x	
368	Lê Thu Trang	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa				x	
	Khoa Dầu Khí		6	14	42	11	
	Văn phòng khoa			1	4		
369	Nguyễn Thu Thủy	VP Khoa			x		
370	Nguyễn Thị Thủy	VP Khoa		x			
371	Nguyễn Hồng Hạnh	VP Khoa			x		
372	Trịnh Thế Lực	Phòng Thí nghiệm khối thượng nguồn			x		
373	Trần Văn Hiệp	Phòng Thí nghiệm khối thượng nguồn			x		
	Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình		1	2	6	3	
374	Nguyễn Văn Giáp	BM TBĐK&CT-Khoa Dầu khí			x		
375	Triệu Hùng Trường	BM TBĐK&CT-Khoa Dầu khí		x			
376	Lê Đức Vinh	BM TBĐK&CT-Khoa Dầu khí			x		
377	Vũ Cúc Phương	BM TBĐK&CT-Khoa Dầu khí			x		
378	Đào Thị Uyên	BM TBĐK&CT-Khoa Dầu khí			x		
379	Trần Thiện Căn	BM TBĐK&CT-Khoa Dầu khí			x		
380	Hoàng Anh Dũng	BM TBĐK&CT-Khoa Dầu khí		x			
381	Nguyễn T Hải Yến	BM TBĐK&CT-Khoa Dầu khí				x	
382	Nguyễn Thanh Tuấn	BM TBĐK&CT-Khoa Dầu khí			x		
383	Nguyễn Phùng Hưng	BM TBĐK&CT-Khoa Dầu khí				x	
384	Nguyễn Văn Thịnh	BM TBĐK&CT-Khoa Dầu khí				x	
	Bộ môn Địa Vật lý		1	2	9		
385	Lê Hải An	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí		x			
386	Phan Thiên Hương	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí		x			
387	Kiều Duy Thông	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x		
388	Trần Danh Hùng	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x		
389	Dương Văn Hào	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x		
390	Phan Thị Hồng	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x		
391	Đào Thị Bích Thủy	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x		
392	Phạm Ngọc Kiên	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x		
393	Trần Quang Trung	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x		
394	Trương Thị Chính	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x		
395	Vũ Hồng Dương	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x		
	Bộ môn Khoan khai thác		1	4	8	4	
396	Trần Đình Kiên	BM Khoan-KT khoa Dầu khí		x			
397	Hồ Quốc Hoa	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTD	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
398	Nguyễn Thế Vinh	BM Khoan-KT khoa Dầu khí		x			
399	Vũ Thiết Thạch	BM Khoan-KT khoa Dầu khí		x			
400	Doãn Thị Trâm	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x		
401	Nguyễn Văn Thành	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x		
402	Nguyễn Trần Tuấn	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x		
403	Lê Văn Nam	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x		
404	Nguyễn Văn Vinh	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x		
405	Nguyễn Khắc Long	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x		
406	Trương Anh Từ	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x		
407	Đỗ Thành Sỹ	BM Khoan-KT khoa Dầu khí				x	
408	Lê Quang Duyên	BM Khoan-KT khoa Dầu khí		x			
409	Bùi Thanh Bình	BM Khoan-KT khoa Dầu khí				x	
410	Tô Hữu Toàn	BM Khoan-KT khoa Dầu khí				x	
411	Nguyễn Tiến Hùng	BM Khoan-KT khoa Dầu khí				x	
	Bộ môn Địa chất Dầu khí		1	2	6		
412	Lê Văn Bình	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí			x		
413	Nguyễn T Minh Hồng	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí		x			
414	Lê Ngọc Ánh	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí		x			
415	Nguyễn Duy Mười	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí			x		
416	Nguyễn Thu Hằng	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí			x		
417	Bùi Thị Ngân	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí			x		
418	Nguyễn Minh Hòa	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí			x		
419	Trần Thị Oanh	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí			x		
	Bộ môn Lọc hoá dầu		1	3	9	4	
420	Nguyễn Anh Dũng	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí		x			
421	Phạm Trung Kiên	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí				x	
422	Đoàn Văn Huân	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí				x	
423	Công Ngọc Thắng	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x		
424	Nguyễn Thị Linh	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x		
425	Bùi Thị Lệ Thủy	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí		x			
426	Phạm Xuân Núi	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x		
427	Tổng T Thanh Hương	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí		x			
428	Hồ Văn Sơn	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x		
429	Nguyễn Mai Hà	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x		
430	Ngô Hà Sơn	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí				x	
431	Lê Đình Chiến	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x		
432	Vũ Văn Toàn	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x		
433	Ngô Thanh Hải	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x		
434	Dương Việt Cường	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí				x	
435	Trần Ngọc Tuấn	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x		
	Khoa Địa chất		9	14	62	13	
	Văn phòng khoa				4		
436	Trương Thuý Hà	VP khoa Địa chất			x		
437	Phan T Thùy Dương	VP khoa Địa chất			x		
438	Hồ Thanh Bình	VP khoa Địa chất			x		
439	Vũ Thị Hiền	VP khoa Địa chất			x		
	Bộ môn Khoáng thạch		1	2	8	2	
440	Lê Tiến Dũng	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x		
441	Nguyễn Khắc Giảng	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất		x			
442	Phạm Thị Vân Anh	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất		x			

STT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTD	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
443	Lê Thanh Mễ	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x		
444	Đặng Thị Vinh	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x		
445	Vũ Lê Tú	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x		
446	Phạm Trường Sinh	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x		
447	Nguyễn Hữu Trọng	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất				x	
448	Hà Thành Như	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x		
449	Nguyễn Trung Thành	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x		
450	Lê Thị Ngọc Tú	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x		
451	Tô Xuân Bản	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất				x	
	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò		1	2	8	1	
452	Nguyễn Tiến Dũng	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất		x			
453	Lương Quang Khang	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất		x			
454	Nguyễn Trọng Toàn	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x		
455	Bùi Hoàng Bắc	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x		
456	Đỗ Mạnh An	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x		
457	Phan Việt Sơn	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x		
458	Trần Thị Vân Anh	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x		
459	Trương Hữu Mạnh	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất				x	
460	Nguyễn Duy Hưng	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x		
461	Khuong Thế Hùng	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x		
462	Nguyễn Thanh Tịnh	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x		
	Bộ môn Khoáng sản		1	1	5	1	
463	Nguyễn Quang Luật	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất			x		
464	Trần Bình Chư	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất			x		
465	Ngô Xuân Đắc	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất				x	
466	Hoàng Thị Thoa	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất		x			
467	Nguyễn Đình Luyện	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất			x		
468	Lê Xuân Trường	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất			x		
469	Lê Thị Thu	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất			x		
	Bộ môn Địa chất		1	2	5	4	
470	Trần Thanh Hải	BM Địa chất-Khoa Địa chất		x			
471	Hạ Văn Hải	BM Địa chất-Khoa Địa chất			x		
472	Nguyễn Quốc Hưng	BM Địa chất-Khoa Địa chất			x		
473	Bùi T Thu Hiền	BM Địa chất-Khoa Địa chất			x		
474	Phí Thị Phương Thảo	BM Địa chất-Khoa Địa chất			x		
475	Vũ Anh Thư	BM Địa chất-Khoa Địa chất				x	
476	Ngô Xuân Thành	BM Địa chất-Khoa Địa chất		x			
477	Phạm Văn Phương	BM Địa chất-Khoa Địa chất			x		
478	Nguyễn Minh Quyền	BM Địa chất-Khoa Địa chất				x	
479	Bùi Vinh Hậu	BM Địa chất-Khoa Địa chất				x	
480	Nguyễn Trường Tài	BM Địa chất-Khoa Địa chất				x	
	Bộ môn Địa chất Biển		1	1	4	1	
481	Hoàng Văn Long	BM Địa chất Biển-Khoa Địa chất		x			
482	Ngô Thị Kim Chi	BM Địa chất Biển-Khoa Địa chất			x		
483	Đào Văn Nghiêm	BM Địa chất Biển-Khoa Địa chất			x		
484	Hoàng Đình Quế	BM Địa chất Biển-Khoa Địa chất				x	
485	Nguyễn Hữu Hiệp	BM Địa chất Biển-Khoa Địa chất			x		
486	Phan Văn Bình	BM Địa chất Biển-Khoa Địa chất			x		
	Bộ môn Nguyên liệu khoáng		1	1	5	1	
487	Nguyễn Văn Lâm	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTD	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
488	Nguyễn T Thanh Thảo	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất			x		
489	Nguyễn Xuân Phú	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất			x		
490	Tạ Thị Toán	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất			x		
491	Nguyễn Khắc Du	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất			x		
492	Phạm Như Sang	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất				x	
493	Nguyễn Thị Thanh Hiền	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất			x		
	Bộ môn Địa chất thủy văn		1	2	9	1	
494	Nguyễn Văn Lâm	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất		x			
495	Nguyễn T Thanh Thuỷ	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x		
496	Kiều Thị Vân Anh	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x		
497	Dương T Thanh Thuỷ	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x		
498	Hoàng Văn Hoan	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x		
499	Vũ Thu Hiền	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x		
500	Trần Quang Tuấn	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x		
501	Trần Vũ Long	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất					
502	Vũ Văn Hưng	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất				x	
503	Đào Đức Bằng	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất		x			
504	Nguyễn Bách Thảo	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x		
505	Nguyễn Hữu Mạnh	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x		
	Bộ môn Địa chất Công trình		1	3	14	2	
506	Nguyễn Viết Tình	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
507	Tô Xuân Vu	BM ĐCCT-Khoa Địa chất		x			
508	Đỗ Minh Toàn	BM ĐCCT-Khoa Địa chất		x			
509	Phạm Minh Tuấn	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
510	Nguyễn Văn Phóng	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
511	Nguyễn Thị Nụ	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
512	Phạm T Việt Nga	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
513	Vũ Thái Linh	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
514	Bùi Văn Bình	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
515	Phùng Hữu Hải	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
516	Phạm Thị Ngọc Hà	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
517	Nguyễn Văn Hùng	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
518	Nguyễn Ngọc Dũng	BM ĐCCT-Khoa Địa chất				x	
519	Nguyễn Đức Tuấn	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
520	Dương Văn Bình	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
521	Nhữ Việt Hà	BM ĐCCT-Khoa Địa chất				x	
522	Bùi Trường Sơn	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
523	Nguyễn Thành Dương	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
524	Lê Trọng Thắng	BM ĐCCT-Khoa Địa chất		x			
	Khoa Môi trường		4	6	21	2	
	Văn phòng khoa				1		
525	Hoàng Thu Trang	VP Khoa Môi trường			x		
	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT		1	2	9	1	
526	Đỗ Văn Bình	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường		x			
527	Trần Thị Kim Hà	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x		
528	Nguyễn Quang Minh	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x		
529	Phạm Khánh Huy	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x		
530	Trần Thị Thu Hương	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường		x			
531	Trần Thị Thanh Thuỷ	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x		
532	Nguyễn Mai Hoa	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x		

T	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
533	Đỗ Thị Hải	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường					
534	Đỗ Cao Cường	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x		
535	Trần Anh Quân	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x		
536	Trần Hồng Hà	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường				x	
537	Vũ T Phương Thảo	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x		
	Bộ môn Môi trường cơ sở				x		
538	Nguyễn Phương	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường	1	2	6		
539	Đỗ Văn Nhuận	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường		x			
540	Nguyễn Văn Dũng	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường		x			
541	Nguyễn Quốc Phi	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường			x		
542	Hạ Quang Hưng	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường			x		
543	Vũ Thị Lan Anh	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường			x		
544	Nguyễn Thị Cúc	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường			x		
545	Phan Thị Mai Hoa	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường			x		
	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường mỏ				x		
546	Phan Quang Văn	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT	1	2	5	1	
547	Đào Đình Thuận	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT		x			
548	Đặng Thị Ngọc Thuý	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT			x		
549	Đào Trung Thành	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT			x		
550	Nguyễn Thị Hòa	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT			x		
551	Nguyễn Hoàng Nam	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT			x		
552	Nguyễn T Thu Huyền	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT		x			
553	Nguyễn Phương Đông	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT			x		
	Khoa Xây dựng					x	
	Văn phòng khoa		4	5	21	14	
554	Phạm Thị Yến	VP Khoa XD			2		
555	Phạm Thanh Huyền	VP Khoa XD			x		
	Bộ môn XD Công trình ngầm & Mỏ				x		
556	Võ Trọng Hùng	BM XDCT ngầm & Mỏ Khoa XD	1	3	8	5	
557	Đào Văn Canh	BM XDCT ngầm & Mỏ Khoa XD		x			
558	Ngô Doãn Hào	BM XDCT ngầm & Mỏ Khoa XD			x		
559	Nguyễn Tài Tiến	BM XDCT ngầm & Mỏ Khoa XD			x		
560	Nguyễn Chí Thành	BM XDCT ngầm & Mỏ Khoa XD		x			
561	Đặng Trung Thành	BM XDCT ngầm & Mỏ Khoa XD				x	
562	Trần Tuấn Minh	BM XDCT ngầm & Mỏ Khoa XD			x		
563	Đào Viết Đoàn	BM XDCT ngầm & Mỏ Khoa XD			x		
564	Phan Tuấn Anh	BM XDCT ngầm & Mỏ Khoa XD			x		
565	Đỗ Ngọc Anh	BM XDCT ngầm & Mỏ Khoa XD			x		
566	Nguyễn Văn Trí	BM XDCT ngầm & Mỏ Khoa XD		x			
567	Đỗ Mạnh Tấn	BM XDCT ngầm & Mỏ Khoa XD				x	
568	Đỗ Ngọc Thái	BM XDCT ngầm & Mỏ Khoa XD				x	
569	Nguyễn Duyên Phong	BM XDCT ngầm & Mỏ Khoa XD				x	
570	Phạm Thị Yến	BM XDCT ngầm & Mỏ Khoa XD				x	
571	Đặng Văn Kiên	BM XDCT ngầm & Mỏ Khoa XD			x		
	Bộ môn Kỹ thuật xây dựng				x		
72	Nguyễn Văn Quyền	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD	1	1	7	5	
73	Lê Tuấn Anh	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x		
74	Phạm Ngọc Anh	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x		
75	Bùi Văn Đức	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD				x	
76	Nguyễn Thị Hương	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD				x	
					x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTD	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
577	Đinh Hải Nam	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x		
578	Tăng Văn Lâm	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD				x	
579	Ngô Xuân Hùng	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x		
580	Lê Huy Việt	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD				x	
581	Nguyễn Văn Mạnh	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD		x			
582	Phạm Thị Nhân	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD				x	
583	Đặng Hoàng Thông	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x		
584	Đặng Văn Phi	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x		
Bộ môn Xây dựng Hạ tầng cơ sở			1	1	4	4	
585	Phạm Văn Hùng	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD			x		
586	Đặng Quang Huy	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD			x		
587	Ngô T Hương Trang	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD			x		
588	Nguyễn Trọng Dũng	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD		x			
589	Trần Mạnh Hùng	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD				x	
590	Hoàng Đình Phúc	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD				x	
591	Phạm Đức Thọ	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD				x	
592	Vũ Minh Ngạn	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD				x	
593	Bùi Anh Thắng	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD			x		
Khoa Mỏ			5	11	41	6	
Văn phòng khoa					3		
594	Hoàng Thị Nga	VP Khoa Mỏ			x		
595	Nguyễn T Tuyết Mai	VP Khoa Mỏ			x		
596	Nguyễn Hồng Vân	VP Khoa Mỏ			x		
Bộ môn Khai thác Hầm lò			1	4	12	1	
597	Đỗ Mạnh Phong	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
598	Trần Văn Thanh	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ		x			
599	Đặng Vũ Chí	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ		x			
600	Nguyễn Cao Khải	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ		x			
601	Đinh Thị Thanh Nhân	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
602	Đặng Quang Hưng	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
603	Lê Tiến Dũng	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ				x	
604	Nguyễn Văn Quang	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
605	Nguyễn Văn Thịnh	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ		x			
606	Nguyễn Hồng Cường	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
607	Đỗ Anh Sơn	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
608	Lê Quang Phục	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
609	Vũ Trung Tiến	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
610	Phạm Đức Hưng	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
611	Đào Văn Chí	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
612	Nguyễn Phi Hùng	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
613	Bùi Mạnh Tùng	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
Bộ môn Khai thác lộ thiên			1	4	10	4	
614	Bùi Xuân Nam	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ		x			
615	Lê Thị Thu Hoa	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
616	Lê Văn Quyền	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ		x			
617	Lê Hữu Quỳnh	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
618	Nguyễn Đình An	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
619	Nhữ Văn Phúc	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
620	Lê Thị Minh Hạnh	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
621	Vũ Đình Hiếu	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTD	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
622	Lê Quý Thảo	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
623	Phạm Văn Việt	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
624	Lê Thị Hải	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
625	Trần Đình Bão	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ				x	
626	Phạm Văn Hòa	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ		x			
627	Đỗ Ngọc Hoàn	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
628	Nguyễn Hoàng	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
629	Nguyễn Tiến Hải	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ				x	
630	Nguyễn Anh Tuấn	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ				x	
631	Trần Quang Hiếu	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ				x	
	Bộ môn Sức bền vật liệu		1	1	7		
632	Dương Đức Hùng	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ		x			
633	Bùi Thị Thuyết	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x		
634	Phạm Tuấn Long	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x		
635	Đỗ Ngọc Tú	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x		
636	Nguyễn Nam Hòa	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x		
637	Trần Mạnh Tiến	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x		
638	Nguyễn Như Hùng	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x		
639	Nguyễn Việt Thắng	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x		
	Bộ môn Tuyển khoáng		1	2	9	1	
640	Phạm Hữu Giang	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x		
641	Nguyễn Hoàng Sơn	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x		
642	Nhữ Thị Kim Dung	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ		x			
643	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x		
644	Phạm Văn Luận	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ		x			
645	Vũ Thị Chính	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x		
646	Lê Việt Hà	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x		
647	Trần Trung Tới	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x		
648	Hoàng Hữu Đường	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ				x	
649	Phạm Thanh Hải	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x		
650	Phùng Tiến Thuật	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x		
651	Phạm thị Nhung	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x		
	Khoa Cơ điện		7	13	56	8	
	Văn phòng Khoa				3		
652	Nguyễn Thị Kim Sinh	VP Khoa Cơ điện			x		
653	Đào Thị Hiền	VP Khoa Cơ điện			x		
654	Nguyễn Thị Tâm	VP khoa Cơ điện			x		
	Bộ môn Tự động hoá		1	3	12	3	
655	Nguyễn Chí Tình	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
656	Phan Minh Tạo	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
657	Đặng Văn Chí	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
658	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện		x			
659	Khổng Cao Phong	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện		x			
660	Phạm Minh Hải	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
661	Nguyễn T Thanh Loan	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
662	Phạm Thị Thanh Loan	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
663	Uông Quang Tuyền	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
664	Đào Hiếu	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
665	Thái Hải Âu	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
666	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTD	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
667	Nguyễn Thanh Lịch	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
668	Phùng Văn Trang	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện				x	
669	Phan T Mai Phương	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
670	Trịnh Quang Vinh	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện				x	
671	Nguyễn Chí Dũng	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện				x	
672	Nguyễn Ánh Dương	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện				x	
	Bộ môn Máy và Thiết bị Mỏ		1	1	13	1	
673	Vũ Nam Ngạn	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
674	Đoàn Văn Giáp	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
675	Trần Ngọc Minh	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
676	Phạm Văn Tiến	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
677	Đặng Vũ Đình	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện		x			
678	Trần Bá Trung	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
679	Vũ Ngọc Trà	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
680	Đoàn Công Luận	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
681	Lê Thị Hồng Thắng	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
682	Kiều Đức Thịnh	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
683	Nguyễn Đăng Tấn	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện				x	
684	Nguyễn Văn Xô	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
685	Trần Viết Linh	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
686	Nguyễn Thế Hoàng	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
687	Nguyễn Khắc Lĩnh	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
	Bộ môn Kỹ thuật Điện-Điện tử		1	2	8	1	
688	Phạm Công Hoà	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x		
689	Đinh Văn Thắng	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện		x			
690	Nguyễn Xuân Cương	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x		
691	Kim Ngọc Linh	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện		x			
692	Cung Quang Khang	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x		
693	Nguyễn Thạc Khánh	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x		
694	Nguyễn Trường Giang	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x		
695	Kim T Cẩm Ánh	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x		
696	Tổng Ngọc Anh	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x		
697	Nguyễn Tiến Sỹ	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x		
698	Vũ Đỗ Dũng	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện				x	
	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí		1	3	6	2	
699	Phạm Đức Thiên	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện		x			
700	Phạm Thị Thủy	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện		x			
701	Nguyễn Văn Lại	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện			x		
702	Lê Quang Thịnh	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện			x		
703	Nguyễn Thanh Tùng	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện			x		
704	Bùi Minh Hoàng	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện			x		
705	Nguyễn Duy Chính	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện		x			
706	Phạm Thị Thanh Hải	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện			x		
707	Nguyễn Phúc Trường	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện			x		
708	Trần Đức Huân	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện				x	
709	Nguyễn Văn Tuệ	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện				x	
	Bộ môn Điện khí hoá		1	3	10	1	
710	Nguyễn Anh Nghĩa	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x		
711	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x			
712	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTD	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi ch
713	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện					
714	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x		
715	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x		
716	Đỗ Đức Thành	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x		
717	Nguyễn Duy Tuấn	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x		
718	Đào Thị Thuý	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x		
719	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x		
720	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x		
721	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x		
722	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x			
723	Lê Văn Tuấn	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện				x	
	Xưởng cơ khí				x		
724	Trương Đình Loan	Xưởng cơ khí	1	1	4		
725	Chu Mạnh Cường	Xưởng cơ khí		x			
726	Hà Văn Thủy	Xưởng cơ khí			x		
727	Đặng Việt Khuê	Xưởng cơ khí			x		
728	Lê Thị Hồng Diệp	Xưởng cơ khí			x		
	Khoa Kinh tế & QTKD				x		
	Văn phòng khoa		5	10	44		
729	Phạm T Châu Giang	VP Khoa - Khoa KT&QTKD			3		
730	Nguyễn Thị Thu Dung	VP Khoa - Khoa KT&QTKD			x		
731	Phan Thùy Linh	VP Khoa - Khoa KT&QTKD			x		
	Bộ môn Quản trị DN Địa chất-Dầu khí				x		
732	Nguyễn Đức Thành	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD	1	3	5		
733	Đỗ Hữu Tùng	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x		
734	Phan Thị Thái	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD		x			
735	Nguyễn Thị Kim Ngân	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD		x			
736	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD		x			
737	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x		
738	Nguyễn Thu Hà	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x		
739	Phạm Ngọc Tuấn	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x		
	Bộ môn Quản trị Doanh nghiệp Mỏ				x		
740	Đặng Huy Thái	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD	1	3	11		
741	Đào Anh Tuấn	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD		x			
742	Nguyễn Ngọc Khánh	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
743	Đồng Thị Bích	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD		x			
744	Lê Thị Thu Hường	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
745	Nguyễn Đức Thắng	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
746	Nguyễn Thị Hường	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
747	Phan T Thủy Linh	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
748	Trần Thị Khánh Vân	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
749	Lê Đình Chiêu	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
750	Phạm Kiên Trung	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
751	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
752	Nguyễn Văn Thường	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD		x			
753	Lê Đình Chiến	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
	Bộ môn Kinh tế cơ sở				x		
754	Nguyễn Văn Bưởi	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD	1	1	10		
755	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
756	Phí Mạnh Cường	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
					x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTD	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
757	Nguyễn Thị Hồng Loan	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
758	Trần Anh Dũng	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
759	Phạm Thu Trang	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
760	Nguyễn Thanh Thảo	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
761	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
762	Vũ Thị Hiền	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
763	Vũ Diệp Anh	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
764	Phương Hữu Tùng	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD		x			
	Bộ môn Kế toán Doanh nghiệp		1	3	15		
765	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x			
766	Bùi Thị Thu Thủy	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x			
767	Phí Thị Kim Thư	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
768	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
769	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
770	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
771	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
772	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
773	Phạm Minh Hải	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x			
774	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
775	Nguyễn Minh Thu	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
776	Dương Thị Nhân	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
777	Nguyễn T Minh Thu	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
778	Đỗ Thị Hương	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
779	Hoàng Thị Thủy	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
780	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
781	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
782	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
	Khoa Công Nghệ thông tin		7	9	52	8	
	Văn phòng khoa			1	2		
783	Nguyễn Thị Loan	TN Công nghệ&xử lý TT-Khoa CNTT		x			
784	Phạm Thị Hương	TN Công nghệ&xử lý TT-Khoa CNTT			x		
785	Nguyễn Đức Quân	TN Công nghệ&xử lý TT-Khoa CNTT			x		
	Bộ môn Tin học Trắc địa		1	1	11	3	
786	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
787	Trần Trung Chuyên	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
788	Nguyễn Quang Khánh	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT		x			
789	Nguyễn Tuấn Anh	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
790	Nguyễn Thị Mai Dung	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
791	Đoàn Khánh Hoàng	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
792	Trần Mai Hương	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
793	Ngô Thị Phương Thảo	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
794	Diêm Thị Thủy	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
795	Nguyễn Thị Phần	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
796	Nguyễn Hoàng Long	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT				x	
797	Trần Trường Giang	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
798	Trần Thị Hòa	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT				x	
799	Nguyễn Trường Linh	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT				x	
800	Đinh Bảo Ngọc	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
	Bộ môn Tin học Kinh tế		1	2	4		
801	Lê Thanh Huệ	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT		x			

T	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
802	Dương Thị Hiền Thanh	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT		x			
803	Nguyễn Thu Hằng	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT			x		
804	Phạm Thị Nguyệt	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT			x		
805	Vũ Thị Kim Liên	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT			x		
806	Nguyễn Thế Bình	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT			x		
	Bộ môn Tin học Cơ bản				9	2	
807	Hoàng Kim Bảng	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x		
808	Đặng Hữu Nghị	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x		
809	Bùi T Văn Anh	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x		
810	Vũ Lan Phương	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x		
811	Dương Chí Thiện	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x		
812	Đào Thị Thu Vân	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x		
813	Phạm Đức Hậu	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x		
814	Trần Thị Như Hoa	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x		
815	Đặng Quốc Trung	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x		
816	Tạ Quang Chiêu	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT				x	
817	Trương Xuân Quang	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT				x	
	Bộ môn Tin học Mỏ		1	2	5	1	
818	Cánh Chí Thanh	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT		x			
819	Nguyễn Thị Phương Bắc	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT			x		
820	Nguyễn Thuỳ Dương	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT			x		
821	Nông Thị Oanh	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT			x		
822	Lê Hồng Anh	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT		x			
823	Đặng Văn Nam	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT			x		
824	Lê Quang Cường	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT			x		
825	Nguyễn Duy Huy	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT				x	
	Bộ môn Tin học Địa chất		1	1	6		
826	Trương Xuân Luận	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT		x			
827	Phạm An Cương	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT			x		
828	Ngô Hùng Long	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT			x		
829	Dương Thị Tâm	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT			x		
830	Bùi Thị Ánh Nguyệt	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT			x		
831	Nguyễn Thị Hải Yến	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT			x		
832	Trương Xuân Bình	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT			x		
	Bộ môn Công nghệ phần mềm		1	1	7	1	
833	Lê Văn Hưng	BM CN phần mềm-Khoa CNTT		x			
834	Phạm Văn Đồng	BM CN phần mềm-Khoa CNTT			x		
835	Phạm Thị Hải Vân	BM CN phần mềm-Khoa CNTT			x		
836	Nguyễn Thế Lộc	BM CN phần mềm-Khoa CNTT			x		
837	Nguyễn T Hữu Phương	BM CN phần mềm-Khoa CNTT			x		
838	Hoàng Anh Đức	BM CN phần mềm-Khoa CNTT			x		
839	Bùi Thế Vinh	BM CN phần mềm-Khoa CNTT				x	
840	Nguyễn Thị Thanh	BM CN phần mềm-Khoa CNTT			x		
841	Hồ Thị Thảo Trang	BM CN phần mềm-Khoa CNTT			x		
	Bộ môn Mạng máy tính		1	1	6	1	
842	Đỗ Như Hải	BM Mạng máy tính		x			
843	Trần Thị Thu Thủy	BM Mạng máy tính			x		
844	Đào Anh Thư	BM Mạng máy tính			x		
845	Đào Thị Tuyết	BM Mạng máy tính			x		
846	Đặng Xuân Điệp	BM Mạng máy tính			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTD	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
847	Phan Mạnh Tiến	BM Mạng máy tính			x		
848	Diêm Công Hoàng	BM Mạng máy tính				x	
849	Phạm Đình Tân	BM Mạng máy tính			x		
	Phòng thí nghiệm Địa Tin học				2		
850	Phạm Hữu Lợi	P.Thí Nghiệm Địa tin học			x		
851	Trần Thị Hải Vân	P.Thí Nghiệm Địa tin học			x		
	Khoa Lý luận Chính trị		5	4	17		
	Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh		1	1	4		
852	Nguyễn văn Sơn	BM Tư tưởng Hồ Chí Minh			x		
853	Trần T Phúc An	BM Tư tưởng Hồ Chí Minh		x			
854	Nguyễn T Kim Dung	BM Tư tưởng Hồ Chí Minh			x		
855	Đỗ Thị Vân Hà	BM Tư tưởng Hồ Chí Minh			x		
856	Lê Thị Yến	BM Tư tưởng Hồ Chí Minh			x		
	Bộ môn Đường lối CM của Đảng CSVN		1	1	4		
857	Đặng Thị Thanh Trâm	BM Đường lối CM của Đảng CSVN		x			
858	Nguyễn Thị Thu Hương	BM Đường lối CM của Đảng CSVN			x		
859	Nguyễn Thị Thuý Hà	BM Đường lối CM của Đảng CSVN			x		
860	Lê Quốc Hiệp	BM Đường lối CM của Đảng CSVN			x		
861	Nguyễn Tuấn Vương	BM Đường lối CM của Đảng CSVN			x		
	Bộ môn Nguyên lý CN Mác Lênin		1	2	6		
862	Đỗ Thị Kim Thanh	BM Nguyên lý CN Mác Lênin			x		
863	Trần Thị Lan Hương	BM Nguyên lý CN Mác Lênin		x			
864	Bùi Thị Thuý Dương	BM Nguyên lý CN Mác Lênin			x		
865	Ngô Văn Hương	BM Nguyên lý CN Mác Lênin			x		
866	Nguyễn Thị Phương	BM Nguyên lý CN Mác Lênin		x			
867	Nguyễn Thu Hương	BM Nguyên lý CN Mác Lênin			x		
868	Nguyễn Thị Thu	BM Nguyên lý CN Mác Lênin			x		
869	Phí Mạnh Phong	BM Nguyên lý CN Mác Lênin			x		
	Bộ môn Pháp luật		1		3		
870	Nguyễn Bình Yên	BM Pháp luật			x		
871	Nguyễn Thị Nụ	BM Pháp luật			x		
872	Nguyễn Lê Hà Giang	BM Pháp luật			x		

22/11